

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 205/2021/DS-PT

Ngày: 25-11-2021

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh, ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2021/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 186/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn T – sinh năm: 1983, có mặt

Bà Võ Thị Yến C, vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền cho bà Võ Thị Yến C theo văn bản ủy quyền ngày 05/8/2020: Ông Nguyễn Tấn T.

Địa chỉ: Thôn GT, xã TG, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn GM, xã EP, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn GM, xã EP, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Nguyễn Văn G – sinh năm: 1991, có mặt

Địa chỉ: Thôn TT, xã ET, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Võ Tấn M, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn TT, xã QN, huyện KA, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T, bà Võ Thị Yến C trình bày :

Cuối năm 2013 ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C có nhận chuyển nhượng của ông Võ Tấn M 01 lô đất rẫy (đất trồng cây lâu năm) có diện tích 10.000m²; tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 21, thuộc thôn TL, xã ET huyện KN. Năm 2014 giữa ông M với gia đình ông T mới làm thủ tục sang tên giấy CNQSD đất theo đúng quy định của pháp luật; vợ, chồng gia đình ông T cũng đã được ông M giao đất đầy đủ theo đúng trích lục bản đồ địa chính và giấy CNQSD đất mà ông M chuyển nhượng cho vợ, chồng gia đình ông T. Hiện nay lô đất này gia đình ông T đứng tên theo giấy CNQSD đất số BN 600894 ngày 28/10/2014, tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 21; theo trích lục bản đồ địa chính thì chiều rộng của lô đất theo mặt đường (phía tây lô đất) là 32,16 mét, chiều rộng phía sau lô đất (phía đông lô đất) là 33,08 mét. Trong quá trình sử dụng vợ chồng ông Đ và anh G (con ông Đ) đã lấn chiếm của gia đình ông T diện tích đất khoảng hơn 800m². Hiện nay chiều rộng theo mặt đường lô đất (phía tây lô đất) của gia đình ông T theo đo đạc thực tế chỉ còn lại là 29,49 mét và chiều rộng phía sau lô đất (phía đông lô đất) chỉ còn lại 30,35 mét. Vì vậy, gia đình ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đ và anh G phải trả lại số diện tích đất mà vợ chồng ông Đ và anh G đã lấn chiếm của gia đình ông T; số diện tích đất mà vợ chồng ông Đ và anh G đã lấn chiếm của vợ chồng T theo đo đạc thực tế là 817,4m² có vị trí tứ cận: Phía đông giáp đất ông Yên = 2,73 mét, phía tây giáp đường = 2,67 mét, phía nam giáp đất vợ chồng ông T đang sử dụng và phía bắc giáp đất vợ chồng ông Đ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Vào ngày 03/3/2014, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ nhận chuyển nhượng của ông Võ Tấn M 01 lô đất rẫy (đất trồng cây lâu năm) diện tích là 17.000m², tại thôn thôn TL, xã ET huyện KN; vị trí tứ cận: Phía đông giáp đất ông Phạm Triệu A (nay là ông B); phía tây giáp đường đi; phía nam giáp đất ông Nguyễn Tấn T và phía bắc giáp đất ông Đỗ Việt C. Khi thỏa thuận việc sang nhượng 02 bên chỉ viết giấy tay với nhau (giấy đặt cọc tiền bán rẫy ngày 03/3/2014). Đến ngày 30/01/2015 giữa ông M với vợ chồng ông Đ mới đến UBND xã EA huyện KN để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông M với vợ chồng ông Đ thì vợ chồng ông Đ được UBND huyện KN cấp giấy CNQSD đất với diện tích 11.465m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 131, tờ bản đồ số 21, thuộc thôn TL xã ET huyện KN. Lý do vợ chồng ông Đ chỉ được Nhà nước công nhận QSD đất 11.465m² là vì, trong số diện tích 17.000m² mà ông M chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ thì ông M chỉ mới được Nhà nước công nhận QSD đất 11.465m², còn lại khoảng 6.000m² ông M chưa được Nhà nước công nhận QSD đất, cho nên đến nay vợ chồng ông Đ vẫn chưa được Nhà nước cấp giấy CNQSD đất đối với số diện tích đất này. Năm 2020 do vợ chồng ông Đ có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất 100m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở nên vợ chồng ông Đ đã làm thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất 100m² đất ở nên hiện nay vợ chồng ông Đ được UBND huyện KN cấp giấy CNQSD đất mới mang số CC 352360 ngày 12/5/2020,

diện tích 11.465m² (100m² đất ở + 11.365m² đất trồng cây lâu năm), tại thửa đất số 131, tờ bản đồ số 21, thuộc thôn TL xã ET huyện KN.

Sau khi nhận chuyển nhượng QSD đất của ông M thì vợ chồng ông Đ cũng đã được ông M giao đất tại thực địa. Khi giao đất 02 bên không tiến hành đo đạc mà chỉ xác định phần đất mà ông M chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ theo chiều ngang lô đất (phía đông và phía tây) là 17 hàng cà phê và một hàng cây muồng giáp lô đất của ông Đỗ Việt C; ranh giới giữa lô đất ông Đ (mua của ông M) với lô đất của gia đình ông T được xác định: phía giáp đường có gốc cây mít làm mốc và phía cuối lô có cây gạo làm mốc. Trong quá trình sử dụng đất vợ chồng ông Đ không lấn chiếm đất của gia đình ông T. Việc vợ chồng ông Nguyễn Tấn T khởi kiện cho rằng vợ chồng ông Đ lấn chiếm đất của gia đình ông T là không có căn cứ. Vì vậy, vợ chồng ông Đ không đồng ý trả lại diện tích đất 817,4m² theo yêu cầu khởi kiện của gia đình ông T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn G trình bày:

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông M với ông Đ, bà N (bố mẹ anh G) như thế nào thì anh G không biết mà chỉ do ông Đ, bà N thực hiện. Hiện nay ông Đ, bà N là người đứng tên chủ quyền sử dụng đối với lô đất này. Tuy nhiên, sau khi nhận chuyển nhượng cho đến nay anh G là người được ông Đ, bà N giao cho sử dụng lô đất này. Trong quá trình sử dụng đất anh G không có lấn chiếm đất của gia đình ông T. Số tài sản (cây trồng) trên phần đất mà hiện nay đang tranh chấp là do anh G trồng nên gồm có: 01 cây vũ sữa, 01 cây ổi, 01 cây cóc, 04 cây bơ, 03 cây mac ca. Nay gia đình ông T khởi kiện yêu cầu anh G và vợ chồng ông Đ phải trả lại cho gia đình ông T diện tích đất 817,4m² thì anh G không đồng ý mà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

+ Ông Võ Tấn M trình bày:

Vào khoảng thời gian cuối năm 2013 ông Võ Tấn M có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn T lô đất trồng cà phê diện tích 10.000m²; sau khi chuyển nhượng ông M đã làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất cho vợ, chồng gia đình ông T theo đúng quy định của pháp luật và tiến hành giao đất cho gia đình ông T theo đúng số diện tích đất mà ông M đã chuyển nhượng cho gia đình ông T là 10.000m², tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 21 thuộc xã ET huyện KN; vị trí và kích thước các cạnh của lô đất mà ông M đã giao cho gia đình ông T theo đúng trích lục bản đồ địa chính ngày 11/9/2014 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký QSD đất huyện KN.

Năm 2014 ông Võ Tấn M tiếp tục chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ lô đất trồng cà phê có diện tích 11.465m² (lô đất này liền kề với lô đất mà ông M đã chuyển nhượng cho gia đình ông T). Sau khi chuyển nhượng ông M đã làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất cho vợ chồng ông Đ theo đúng quy định của pháp luật và tiến hành giao đất cho vợ chồng ông Đ theo đúng vị trí lô đất mà ông M chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ tại thửa đất số 131, tờ bản đồ số 21, kích thước các cạnh của lô đất chuyển nhượng theo đúng trích lục bản đồ địa chính ngày 11/9/2014 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký QSD đất huyện KN.

Quá trình sử dụng đất sau khi nhận chuyển nhượng giữa vợ chồng ông Đ với gia đình ông T xảy ra lấn chiếm, tranh chấp với nhau như thế nào thì ông M không biết được. Bởi vì, việc chuyển nhượng đất đai giữa ông M với gia đình ông T và vợ chồng ông Đ thì ông M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật (làm thủ tục sang tên và giao đất), hiện nay ông M không còn liên quan gì nữa. Nay gia đình ông T và vợ chồng ông Đ xảy ra tranh chấp đất đai với nhau thì ông M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 47/2021/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157, 158; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 688, 689 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 5 Điều 166; khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn G phải trả lại cho ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C diện tích 817,4m² đất trồng cây lâu năm; kích thước và vị trí tứ cận: Phía đông giáp đất ông B = 2,73 mét, phía tây giáp đường = 2,67 mét, phía nam giáp đất gia đình ông T = 307,01 mét, phía bắc giáp đất vợ chồng ông Đ = 306,4 mét (Theo trích đo địa chính thửa đất ngày 21/12/2020 của Công ty X).

Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn G phải tháo dỡ, di dời, chặt bỏ... 10 trụ hàng rào bằng bê tông + 96 trụ rào bằng cây gòn + hàng rào lưới B40 có chiều dài 307,01 mét (từ mép đường cho đến đất ông B) ra khỏi đất của gia đình ông T, bà C để trả lại đất cho gia đình ông T, bà C.

Ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn G trị giá tài sản (cây trồng) trên đất là 9.341.900 đồng.

Ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C được quyền sở hữu số cây trồng trên đất gồm có: 01 cây vú sữa, 01 cây ổi, 01 cây cóc, 04 cây bơ, 03 cây mac ca.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/7/2021 và 19/7/2021 bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nhận chuyển nhượng đất cả ông T và ông Đ đã sử dụng mốc giới ổn định, không có tranh chấp cho đến năm 2018 khi ông T có ý định chuyển nhượng đất và đo đạc lại thì thấy thiếu so với GCNQSDĐ nên đã khởi kiện. Ông T cho rằng ông Đ lấn chiếm đất nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về hành vi lấn chiếm đất của ông Đ. Tại cấp sơ thẩm ông M có hai lời khai mâu thuẫn nhau, bản án sơ thẩm căn cứ vào lời khai của ông M mà không căn cứ vào lịch sử ranh giới sử dụng đất giữa các bên ổn định từ khi nhận chuyển nhượng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn G sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G trong hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí DSPT là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa người kháng cáo ông Nguyễn Văn Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, ông Võ Tấn M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tuy nhiên, ông Võ Tấn M vắng mặt không có lý do. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt những người này là phù hợp.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn G HĐXX thấy rằng:

[2.1] Nguồn gốc của 02 thửa đất mà hiện nay gia đình ông T và ông Đ đang sử dụng và tranh chấp là được tách từ thửa đất số 55, tờ bản đồ 21, có diện tích 21.465m², giấy CNQSD đất số P 023458 ngày 14/12/1999 mang tên ông Võ Tấn M. Sau đó ông M làm thủ tục chuyển nhượng cho gia đình ông T thửa đất số 13 với diện tích 10.000m². Ngày 22/9/2014 gia đình ông T đã được nhà nước cấp GCNQSD đất số BN 600894 ngày 28/10/2014. Đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ

số 21 ngày 30/01/2015 ông M làm thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ và vợ chồng ông Đ được nhà nước cấp GCNQSD đất số CC 352360 ngày 12/5/2020 với diện tích 11.465m²

Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện ông Võ Tấn M chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ thửa đất số 131 diện tích 11.465m². Tuy nhiên, tại trang 2 của “Giấy đặt cọc tiền bán rẫy” có thể hiện nội dung “Ngày 27/3/2014 ông Đ là người nhận sang nhượng một phần thửa đất số 55, tờ bản đồ số 21, giấy CNQSD đất số P 023458 ngày 14/12/1999 của ông Võ Tấn M với tổng diện tích nhận sang nhượng là 17.000m² đất trồng cây lâu năm...”. Tại mặt thứ 3 giấy đặt cọc ngày 07/02/2014 ông Võ Tấn M ghi nhận nội dung: “đã nhận đủ tiền sang nhượng của ông Đ, bàn giao toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại 06 ha chưa có trong bì đồ là thuộc của ông Đ”. Tại đơn trình bày sự việc (bút lục 138) ông võ Tấn M cũng xác định ngoài diện tích 11.465m² đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ông M có sang nhượng cho ông Đ 6000m² đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định ông Đ nhận chuyển nhượng của ông M tổng cộng 17.000m², diện tích thực tế ông Đ đang sử dụng cũng ít hơn 17.000m²

[2.2] Về ranh giới đất:

Tại bút lục 138 ông Võ Tấn M xác định ranh giới bàn giao đất giữa ông T bà C với ông Đ bà N là cây mít phía trước giáp đường và cây gạo phía sau. Hiện nay ranh giới này không thay đổi, gia đình ông Đ không có hành vi lấn chiếm. Lời khai của ông M phù hợp với lời khai của ông Đ, ông G và xác nhận của UBND xã ET, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk. Bản thân ông T cũng không xác định được mốc giới ông M bàn giao khi ông nhận chuyển nhượng của ông M và không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Đ có hành vi lấn chiếm đất.

Năm 2013 gia đình gia đình ông T nhận chuyển nhượng đất của ông M và sử dụng. Năm 2014 gia đình ông Đ mới nhận chuyển nhượng đất của ông M. Như vậy, khi gia đình ông Đ nhận chuyển nhượng đất từ ông M và sử dụng theo mốc giới ông M đã bàn giao gia đình ông T không có ý kiến gì. Sau này khi đo đạc lại thấy diện tích thực tế ít hơn so với diện tích ghi trong GCNQSDĐ ông T khởi kiện cho rằng gia đình ông Đ lấn chiếm đất là không có căn cứ.

Xét diện tích thực tế mà gia đình ông T đang sử dụng ít hơn so với diện tích trong GCNQSDĐ là do người chuyển nhượng bàn giao thiếu diện tích thực tế so với hợp đồng sang nhượng chứ gia đình ông Đ không có hành vi lấn chiếm. Bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đ, bà N, anh G phải lại cho ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C diện tích 817,4m² đất trồng cây lâu năm, di dời, tháo dỡ các tài sản trên đất là không có căn cứ. Đơn kháng cáo của ông Đ, ông G có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, HĐXX cần chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn G – sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Võ Tấn T, bà Võ Thị Yến C

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn nên ông Nguyễn Tấn T, bà Võ Thị Yến C phải chịu toàn bộ án phí dân sự và chi phí tố tụng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn G – sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157, 158; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 158, 166, 688, 689 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 166; khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C về việc buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn G phải trả lại cho ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C diện tích 817,4m² đất trồng cây lâu năm.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C phải chịu 11.010.000 đồng chi phí đo đạc và chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản. Số tiền này ông Nguyễn Tấn T đã nộp tạm ứng tại Tòa án và đã chi phí xong.

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0009229 ngày 28/6/2020.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn G được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0002955 ngày 27/7/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Văn Đ được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0002956 ngày 27/7/2021 do ông

Nguyễn Văn G nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện KN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Đình Triết